TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 252/2019/HS-PT
Ngày: 13-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 783/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Đoàn Văn N; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Đoàn Văn N, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đoàn Văn A và bà Huỳnh Thị L; tiền án: không; tiền sự: không; Bị tạm giữ ngày 19/4/2017, chuyển tạm giam ngày 22/4/2017 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:* ông Lưu Văn T (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trương Thị T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Trương Thị D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/8/2012, Đoàn Văn N từ Thành phố Hồ Chí Minh về ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre thăm gia đình. Chiều cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển số 71B1 - 544.43 mượn của bà Đoàn Thị T, đến nhà ông Nguyễn Văn Q uống rượu, đến 19 giờ N tiếp tục uống rượu tại nhà ông Huỳnh Văn N ở cùng ấp T với N, L Văn Đ, Nguyễn Văn Q, Lưu Văn D. Trong lúc uống rượu, N nhớ lại mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai trước đây giữa gia đình N với gia đình ông Lưu Văn T sinh năm 1961, ngụ cùng ấp T và nảy sinh ý định giết ông T. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, tại tiệc rượu ở nhà ông N chỉ còn ông N, ông Q và N. Đoàn Văn N đi xuống phía sau nhà ông N lấy con dao dài 50 cm, lưỡi bằng kim loại dài 35 cm bản rộng 6 cm mũi bằng, cán bằng gỗ. N cầm dao, đi bộ đến nhà ông Lưu Văn T cách nhà ông N khoảng 100 mét và đi vào trong nhà qua cửa phía sau (cửa khung gỗ vách lá, không có khóa chỉ khép hờ), do trong nhà có ánh sáng đèn ngủ, N phát hiện có người ngủ trong mùng trên giường gần bên trái cửa nhà sau. N ghé sát mặt vào mùng, nhìn thấy ông T đang ngủ trong tư thế nằm ngửa. Ngay tức khắc, N dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào người ông T. Bị chém bất ngờ, ông T tung chạy ra khỏi giường kêu cứu, liền bị N nắm kéo lại chém tiếp. Lúc này, anh Lưu Văn T sinh năm 1994 là con ông T ngủ ở giường kê ở gian nhà trước và bà Trương Thị D sinh năm 1975 nhà ở bên cạnh cách đó 12,8 mét nghe tiếng ông T kêu cứu.

Anh Lưu Văn T thức dậy đi vào trong buồng, thấy ông T bị thương tích chảy máu đang đứng gần giường ngủ và có người thanh niên cầm dao đi ra ngoài theo lối cửa sau nhà. T dìu ông T nằm trên chiếc võng giăng ở nhà sau, rồi tìm điện thoại gọi người thân đến cứu giúp.

Chị Trương Thị D từ nhà chạy sang đứng ở thềm ba cửa trước của gian nhà sau, hỏi T có chuyện gì. Lúc này, N từ trong nhà ông T theo lối hông nhà bên phải ra tới phát hiện, liền dùng dao chém mạnh một nhát vào người bà D gây thương tích ở tay trái. Bà D la lên: "anh L ơi chết tôi rồi" (ông Phạm Văn L là chồng của bà D đang ở bên nhà). N tiếp tục nắm cổ áo kéo bà D ra phần lối đi hướng bên phải nhà ông T đè xuống để chém tiếp. Lúc này anh Toàn nghe có tiếng người la bên ngoài sân liền tung cửa chạy ra, anh Toàn nhặt đoạn gỗ đước ở sân đánh vào lưng làm N rớt con dao xuống đất. N bỏ chạy khỏi hiện trường theo đường đi về hướng bên phải nhà ông T. Toàn đuổi theo một đoạn rồi ném đoạn gỗ đước theo hướng N chạy, nhưng không trúng. Trên đường bỏ chạy N đã tuột lại 02 chiếc dép đang mang.

Bà Trương Thị D tay còn lại ôm tay bị thương chạy về nhà. Ông L thấy bà D tay bị chảy máu, lấy áo vải quấn vết thương của bà D lại, chạyra trước nhà gọi: "C ơi, ai chém gãy tay chị mày rồi" (anh Trương Văn C sinh năm 1985 là em của bà D, nhà ở đối diện) và đưa bà D đến trạm y tế xã T. Ngay sau đó, bà D được chuyển đến Bệnh viện huyện T. Lúc này, ông Lưu Văn T cũng được đưa đến Bệnh viện huyện T cấp cứu. Sau đó, cả ông T và bà D được đưa đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre cứu chữa vết thương.

Sau khi gây án, Đoàn Văn N bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt vào ngày 18/4/2017 tại phường Hòa Khánh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ từ ngày 19/4/2017, sau đó bị tạm giam cho đến nay.

Ông Lưu Văn T được điều trị tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre từ ngày 13/8/2012 đến ngày 21/12/2012 thì tử vong.

Giấy chứng nhận thương tích số 365/CN ngày 31/10/2012, Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre ghi nhận: nạn nhân Lưu Văn T vào viện lúc 01 giờ 15 phút ngày 13/8/2012, bị Mê Glasgow 6 điểm; vết thương sau tai (T) dài 10 cm, sâu tới xương, sắc gọn; vết thương đỉnh chẩm (T) dài 10 cm, làm nứt một đoạn xương sọ dài 10 cm; vết thương vành tai (T) (02 x 01)cm; hai vết thương ở đỉnh dài 20 cm và 05 cm sâu tới xương; vết thương giữa trán dài 04 cm; vết thương ngực (P) dài 10 cm; vết thương mặt sau 02 cổ tay dài 06 cm, sâu 04 cm đứt toàn bộ gân duỗi mẻ xương trụ hai bên.

Bản giám định pháp y số 19/GĐPY ngày 28/01/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận qua khám tử thi Lưu Văn T: nạn nhân Lưu Văn T tử vong lúc 19 giờ 20 phút ngày 21/12/2012. Phần khám trong ghi nhận: vùng đỉnh chẩm trái tổ chức dưới da bị sung huyết; xương hộp sọ vùng đỉnh trái bị vỡ, vùng vỡ dài 5,5cm, rộng 03cm; cách vành tai trên bên phải 15cm, cách vành tai trên bên trái 07cm, chiều hướng từ trên xuống, từ phải sang trái. Màng cứng vùng đỉnh trái nơi vỡ xương hộp sọ bị rách và sung huyết. Dịch não tủy màu hồng. Trong tổ chức não có máu đông. Nạn nhân tử vong do chấn thương sọ não.

Bà Trương Thị D được điều trị thương tích tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre từ ngày 13/8/2012 đến ngày 20/8/2012 ra viện. Giấy chứng nhận thương tích số 361/CN ngày 30/10/2012 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre ghi nhận: nạn nhân Trương Thị D vào viện lúc 01 giờ 15 phút ngày 13/8/2012, có các vết thương như sau: chảy máu tay (T). Vết thương mặt sau cẳng tay (T) 1/3 giữa trên 10 cm sắc gọn đứt cơ duỗi chung các ngón, cổ tay trụ. Vết thương vành tai (P) 03 cm. XQ: gãy 1/3 trên xương trụ, trật khớp quay trụ trên.

Bản giám định pháp y về thương tích số 393/HSGĐPYTT ngày 02/11/2012 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của nạn nhân Trương Thị D như sau: vết thương ngang mặt ngoài 1/3 giữa cẳng tay trái dài 10cm gây: đứt cơ duỗi chung các ngón; đứt gân duỗi cổ tay trụ; gãy 1/3 trên xương trụ; trật khớp quay trụ trên. Phẫu thuật: kết hợp xương trụ bằng nẹp vis;

nắn lại khớp quay trụ; khâu nối lại gân, cơ duỗi chung các ngón gân duỗi cồ tay trụ. Quyết định xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Trương Thị D là 28% (hai tám phần trăm).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/17/TgT ngày 18/10/2017 của Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Trương Thị D là 17% (mười bảy phần trăm); con dao là mẫu vật gửi giám định có thể gây ra được thương tích ở cẳng tay trái của nạn nhân Trương Thị D.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn N phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm h khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn N tù Chung thân về tội "Giết người";

Áp dụng khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn N 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đoàn Văn N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tù chung thân;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù chung thân tính từ ngày 19/4/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/11/2018, bị cáo Đoàn Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội danh "Giết người" và kêu oan đối với tội danh "Cố ý gây thương tích".

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội danh "Giết người" và kêu oan đối với tội "Cố ý gây thương tích", với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tội "Giết người" tù chung thân là quá nặng. Về tội "Cố ý gây thương tích" bị cáo cho rằng không gặp bị hại Duyên nên không thể gây thương tích cho bị hại Duyên.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, các nhân chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định và tang vật của vụ án. Đủ cơ sở để kết luận bị cáo Đoàn

Văn N phạm tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không oan cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù Chung thân về tội "Giết người" và 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" là tương xứng với tính chất chất và hành vi của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ về tội "Giết người" và kêu oan về tội "Cố ý gây thương tích". Trong vụ án này bị cáo cũng có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có công cách mạng và đã bồi thường một phần cho các bị hại. Do đó, luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt về tội "Giết người" cho bị cáo và đề nghị tòa án xem xét lại tội "Cố ý gây thương tích".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đoàn Văn N chỉ thừa nhận phạm tội "Giết người" nhưng không thừa nhận phạm tội "Cố ý gây thương tích". Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 22 giờ ngày 12/8/2012, trong lúc uống rượu tại nhà ông N thì Đoàn Văn N nhớ lại mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai trước đây giữa gia đình N với gia đình ông Lưu Văn T. N nãy sinh ý định trả thù nên N đi xuống phía sau nhà ông N lấy con dao dài 50 cm, lưỡi bằng kim loại dài 35 cm bản rộng 6 cm, đột nhập vào nhà ông T cách nhà ông N khoảng 100 mét chém liên tiếp nhiều nhát vào người ông T đang ngủ ở trong buồng. Bị chém bất ngờ, ông T tung chạy ra khỏi giường kêu cứu, liền bị N nắm kéo lại chém tiếp. Thấy có người đến, N cầm dao đi ra ngoài theo cửa sau. Phát hiện bà Trương Thị D đứng kêu ở cửa, N dùng dao chém trúng tay trái và nắm cổ áo kéo bà D ra ngoài để chém tiếp nhưng được Lưu Văn Toàn phát hiện, chạy đến dùng đoạn gỗ đước đánh N giải cứu cho bà D.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Đoàn Văn N phạm tội "Giết người" điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo đối với tội "Cố ý gây thương tích". Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo không thừa nhận đã gây thương tích cho bị hại Trương Thị D. Tuy nhiên bị cáo thừa nhận đã lấy dao tại nhà ông N đi đến nhà ông T để chém ông T, khi chạy khỏi nhà ông T thì bị cáo có dáng chạy khập khiểng do bị tật ở chân, bị cáo có đánh rơi con dao và đôi dép gần hiện trường, lời khai này hoàn toàn phù hợp

với lời khai của bị hại Duyên, lời khai của nhân chứng ông L (chồng bà D), ông Phạm Thanh Vân là công an viên phụ trách ấp Thanh Hải, kết quả khám nghiệm hiện trường Công an thu giữ con dao gây án chính là dao bị cáo lấy từ nhà ông N. Bị cáo cho rằng: bị cáo không gặp bị hại Duyên và không gây thương tích cho bị hại Duyên là không có căn cứ. Bởi lẽ, chính lời khai của anh Toàn khẳng định khi nhìn thấy đối tượng đè bà D xuống, tay cầm dao từ trên cao bổ xuống thì anh liền nhặt đoạn cây đước chạy đến đánh trúng vào lưng của người này một cái làm người này té nằm xuống rồi lom khom bỏ chạy đi, anh ném đoạn cây đước theo người bỏ chạy nhưng không trúng; bà D có nhặt 01 con dao tại hiện trường đem về nhà. Sau đó, Cơ quan điều tra đã thu giữ con dao này và bị cáo thừa nhận đã lấy con dao này tại nhà ông N đem đến nhà ông T để chém ông T. Do đó kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo N về tội "Cố ý gây thương tích" là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội "Giết người". Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo lợi dụng đêm khuya, đột nhập vào nhà ông T để chém ông T trong khi ông T hoàn toàn không mâu thuẫn với bị cáo, ông T đã ngủ không có khả năng kháng cự, trên đường tẩu thoát phát hiện bà D thì bị cáo tiếp tục chém bà D. Bị cáo nhận thức được việc dùng dao chém vào cơ thể người khác sẽ dẫn đến hậu quả gây thương tích hoặc chết người và thực tế đã làm ông T tử vong và bà D bị thương tật 17%. Sau khi chém xong bị cáo đã bỏ trốn nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc để răng đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo Đoàn Văn N tù Chung thân về tội "Giết người" là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội "Giết người" nhưng không xuất trình được chứng cứ, tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có căn cứ giảm án cho các bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giảm án cho bị cáo về tội "Giết người" với lý do: bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có công cách mạng và đã bồi thường một phần cho các bị hại. Những tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét nên không được chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn N (Q). Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn N (Q) phạm các tội "Giết người" và "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm h khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn N** tù **Chung thân** về tội "Giết người";

Áp dụng khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn N 02** (hai) **năm tù** về tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đoàn Văn N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tù Chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù chung thân tính từ ngày 19/4/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đoàn Văn N (Q) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TANDtỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bến Tre;

(Để t/đ cho bị cáo)
- Lưu VP (3). HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Tuấn